

CÔNG TÁC CHUẨN HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN-THƯ VIỆN TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phan Thị Hà Thanh

Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Khái quát hoạt động thông tin-thư viện tại Đại học Đà Nẵng. Trình bày cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin và việc áp dụng các chuẩn nghiệp vụ cũng như chuẩn hóa năng lực đội ngũ cán bộ của Thư viện Đại học Đà Nẵng.

Từ khóa: Ứng dụng CNTT; thông tin-thư viện; Thư viện Đại học Đà Nẵng.

Standardization of information – library activities at the University of Da Nang: Current situation and solutions

Abstract: The article analyses the current situation of all information – library activities at the University of Da Nang. It also introduces the infrastructure, information structure, the performance of applying skill standards and human resource standards at the University of Da Nang.

Keywords: Information technology application; information-library; library of the University of Da Nang

Đặt vấn đề

Ngày nay, sự phát triển của khoa học công nghệ và sự bùng nổ thông tin trong nền kinh tế tri thức đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Hoạt động thông tin-thư viện (TT-TV) cũng không tránh khỏi những tác động khi nhu cầu thông tin của cộng đồng người sử dụng ngày càng trở nên phong phú và đa dạng. Bên cạnh đó, những yêu cầu về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo cũng đòi hỏi hoạt động TT-TV cần có những thay đổi cả về chất và lượng. Năng lực

hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan TT-TV trở thành một trong những điều kiện quan trọng minh chứng cho uy tín, thương hiệu của mỗi cơ sở giáo dục đại học. Các thư viện, ngoài việc nỗ lực xây dựng và phát triển các nguồn học liệu tự có, cũng cần phải tăng cường kết nối và chia sẻ nguồn lực với các thư viện khác nhằm bổ sung và cung cấp thông tin đa dạng hơn đến cộng đồng người sử dụng thông qua các mạng lưới thư viện trong cùng hệ thống. Sự kết nối này sẽ góp phần mang lại những “lợi ích to lớn cho các thư viện trước bối cảnh “bùng nổ thông tin” và những thách thức eo hẹp về

ngân sách, nguồn lực thư viện” [4]. Đặc biệt, đối với hệ thống thư viện Việt Nam, bao gồm phần lớn là các thư viện nhỏ và vừa với ngân sách và nhân lực hoạt động còn nhiều hạn chế, công nghệ quản trị thư viện chưa được đồng bộ thì việc thực hiện chuẩn hóa hoạt động với mô hình quản lý thư viện tập trung trong cùng hệ thống hướng đến giải pháp phát triển bền vững; tăng cường hiệu quả phục vụ đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao là yêu cầu tất yếu. Ở đó, người dùng tin chỉ cần truy cập một cổng thông tin có thể tra cứu tập trung tất cả các nguồn tài liệu in ấn, điện tử, nội sinh,... có trong hệ thống. Thỏa mãn nhu cầu thông tin của người dùng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ hướng tới mô hình đại học nghiên cứu được đánh giá là nhiệm vụ trọng tâm, thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động thư viện. Bài viết này trình bày cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin và việc áp dụng các chuẩn nghiệp vụ cũng như chuẩn hóa năng lực đội ngũ cán bộ của Thư viện Đại học Đà Nẵng.

1. Tình hình hoạt động thông tin-thư viện tại Đại học Đà Nẵng

Sau hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Đại học Đà Nẵng là Đại học vùng trọng điểm Quốc gia, đa ngành, đa cấp; đóng vai trò trọng yếu trong đào tạo đội ngũ nhân lực và nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói riêng và cho cả nước nói chung. Hiện nay, Đại học Đà Nẵng có 07 cơ sở giáo dục đại học thành viên, 03 Khoa trực thuộc, các Viện nghiên cứu và Đào tạo, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao

Công nghệ; với trên 60.000 sinh viên (chính quy và không chính quy, đại học và sau đại học), 1.600 cán bộ giảng dạy và phục vụ giảng dạy, thực hiện đào tạo 12 chuyên ngành tiến sỹ, 20 chuyên ngành thạc sỹ, 70 chuyên ngành đại học và 20 chuyên ngành cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Đại học Đà Nẵng, 2014). Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành TW ngày 04/11/2013 “về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo”, Đại học Đà Nẵng đã ra thông báo số 2850/ĐHĐN-TCCB về việc triển khai quy chế đại học vùng; Nghị quyết Đại hội IV Đảng bộ Đại học Đà Nẵng và Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2020 phát triển Đại Học Đà Nẵng xứng tầm đại học trọng điểm quốc gia ở Miền Trung và là Đại học nghiên cứu. Thông báo cũng đã đề cập đến việc tập trung nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, trang bị phục vụ đào tạo nghiên cứu khoa học, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ đào tạo sau đại học... Tuy nhiên, theo báo cáo và kết quả điều tra sơ bộ tại một số cơ sở giáo dục đại học thành viên, thì khả năng đáp ứng tiêu chí hoạt động TT-TV hỗ trợ công tác đào tạo của nhà trường, phần lớn còn rất hạn chế. Các hạn chế chủ yếu tập trung ở nguồn học liệu, hệ thống kết nối chia sẻ tài nguyên thông tin, cũng như năng lực tác nghiệp của đội ngũ cán bộ,... Kết quả này phần nào phản ánh thực trạng hoạt động TT-TV tại Đại học Đà Nẵng chưa được đầu tư, phát triển tương ứng với qui mô đào tạo, chiến lược phát triển của các đơn vị thành viên nói riêng, Đại học Đà Nẵng nói chung.

Hiện nay, cùng với Trung tâm Thông

tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng chỉ có 06 trong 10 cơ sở đào tạo thành viên có thư viện trực thuộc với số lượng cán bộ được đào tạo chuyên ngành thư viện chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Trong quá trình hoạt động, mặc dù các thư viện đã tích cực tham gia đóng góp cho hoạt động đào tạo của nhà trường; song vẫn chưa phát huy được hết vai trò cũng như chưa nhận được sự đầu tư thỏa đáng. Đặc biệt, các thư viện chỉ hoạt động độc lập, chưa có một hệ thống thư viện quản lý tập trung trong toàn Đại

học Đà Nẵng. Các hoạt động nghiệp vụ còn thực hiện rời rạc, độc lập; hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), cơ sở vật chất chưa được đầu tư đồng bộ; không có sự kết nối và chia sẻ nguồn lực lẫn nhau; không có sự hợp tác trong việc tạo ra các sản phẩm, dịch vụ thông tin; chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình phục vụ công tác đào tạo của nhà trường. Kết quả điều tra về tình hình hoạt động thư viện tại Đại học Đà Nẵng được phản ánh trong Bảng 1.

Bảng 1. Tổ chức công tác thư viện tại Đại học Đà Nẵng

TT	Cơ sở giáo dục thành viên	Có thư viện trực thuộc	Phần mềm quản trị hệ thống tích hợp	Số lượng CBVC làm việc tại TV	CSDL điện tử/Tài liệu số	Ghi chú
1	Trung tâm Thông tin Học liệu (Bao gồm Thư viện trường ĐH Bách khoa)	có	có	30	có	
2	Trường Đại học Kinh tế	có	có	14	có	
3	Trường Đại học Sư phạm	có	có	10	có	
4	Trường Đại học Ngoại ngữ	có	có	5	không	Phần mềm tự xây dựng
5	Trường Cao đẳng Công nghệ	có	có	5	có	Phần mềm tự xây dựng

6	Trường Cao đẳng CNTT	có	không	1	có	
7	Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum	có	không	2	có	
8	Khoa Y Dược		không	0	không	
9	Khoa Giáo dục Thể chất		không	0	không	
10	Khoa Đào tạo Quốc tế		không	0	không	

Bảng trên cho thấy tổ chức công tác thư viện tại Đại học Đà Nẵng chưa được triển khai đồng đều, các ứng dụng phần mềm quản trị hệ thống vào công tác quản lý hoạt động của thư viện còn hạn chế. Chỉ có 3 trong số 10 đơn vị sử dụng các chương trình phát triển bởi các nhà cung cấp chuyên nghiệp (Lạc Việt, CMC); một số sử dụng phần mềm tự phát triển hoặc chỉ phục vụ đơn thuần theo dạng thủ công, truyền thống, danh mục Excel. Ngoài các CSDL điện tử do Trung tâm Thông tin Học liệu bổ sung và tổ chức phục vụ (ProQuest Central, HINARI...), nguồn tài nguyên điện tử/tài liệu số của các thư viện chỉ tập trung chủ yếu vào nguồn tài liệu nội sinh (luận văn, luận án, giáo trình, bài giảng điện tử) được đơn vị xây dựng và tổ chức phục vụ nội bộ.

Từ thực trạng nêu trên, Hội nghị giao ban công tác thư viện cũng đã phân tích, đánh giá và đi đến thống nhất, cần có sự đổi mới trong tổ chức quản lý, điều

hành hoạt động TT-TV tại Đại học Đà Nẵng; đảm bảo sự kết nối, chia sẻ nguồn lực, hợp tác hiệu quả giữa các thư viện thành viên nhằm tối ưu hiệu quả phục vụ của thư viện vào các hoạt động đào tạo. Mô hình chuyển đổi hoạt động theo hướng hệ thống thư viện trung tâm và thư viện nhánh đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, phối hợp tác nghiệp, chia sẻ nguồn lực giữa các thành viên trong hệ thống được đề xuất. Mô hình hoạt động này cần phải vừa đảm bảo được vai trò điều hành của thư viện trung tâm đối với toàn hệ thống, vừa đảm bảo tính độc lập tác nghiệp của các thành viên, các bộ phận chuyên môn, qua đó đảm bảo được sự chỉ đạo trực tiếp của Đại học Đà Nẵng đối với toàn hệ thống, đối với người đứng đầu hệ thống, đối với người đứng đầu các thư viện thành viên, các bộ phận chuyên môn; phát huy hiệu quả, gọn nhẹ, trực tuyến trong điều hành.

Để đạt được điều này, bên cạnh các

vấn đề về đổi mới cơ chế tổ chức, quản lý, các yếu tố trọng tâm đóng vai trò quan trọng trong việc đổi mới và chuẩn hóa hoạt động hệ thống TT-TV gồm: hạ tầng CNTT, ứng dụng thống nhất các chuẩn nghiệp vụ TT-TV, và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác TT-TV. Đây là ba yếu tố cơ bản và cần thiết trong việc chuẩn hóa hoạt động TT-TV. Tuy nhiên, trong hoạt động TT-TV tại Đại học Đà Nẵng, ba yếu tố này còn bộc lộ khá nhiều bất cập, cần được quan tâm, giải quyết.

2. Một số vấn đề tồn tại và hướng giải quyết

2.1. Về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Với xu hướng phát triển hiện nay, các thư viện đang chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình thư viện truyền thống sang thư viện hiện đại với nhiều tiện ích được cung cấp đến người sử dụng thông qua các ứng dụng CNTT và truyền thông. Bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống, các dạng tài liệu số và CSDL cũng được chú trọng phát triển, sản phẩm và dịch vụ cung cấp thông tin đến người sử dụng được cải thiện đáng kể. Tại Đại học Đà Nẵng, cùng với sự phát triển của cơ sở đào tạo, các thư viện thành viên cũng đã phát huy vai trò phục vụ và có những đóng góp nhất định vào hoạt động đào tạo chung của nhà trường. Tuy nhiên, ngoại trừ Trung tâm Thông tin Học liệu với hệ thống CNTT được trang bị từ các nguồn dự án đầu tư, nhìn chung hạ tầng cơ sở vật chất, thiết bị CNTT của các thư viện thành viên chưa được đầu tư tương ứng với quy mô phát triển của nhà trường. Do đó, các sản phẩm, dịch vụ thông tin và hoạt động

tác nghiệp trên nền tảng ứng dụng CNTT còn hạn chế, thiếu đồng bộ.

Nhiều phần mềm sử dụng trong các thư viện thành viên do cán bộ nhà trường tự phát triển nên còn đơn giản, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về chuẩn giao thức trao đổi dữ liệu, biểu ghi đọc máy,... Hệ thống tra cứu thư mục trực tuyến - OPAC chưa phổ biến; các sản phẩm, dịch vụ thông tin, tiện ích hỗ trợ người sử dụng còn nghèo nàn về cả hình thức và nội dung. Đặc biệt, hoạt động CNTT của mỗi thư viện thành viên tồn tại độc lập, rời rạc, hoàn toàn không có sự kết nối, chia sẻ nguồn lực chung giữa các thư viện thành viên. Nguyên nhân của hạn chế này là việc thiếu kinh phí đầu tư phát triển một hệ thống quản lý thư viện tập trung mang tính tổng thể.

Vì vậy, để thực hiện chuẩn hóa việc ứng dụng CNTT trong hoạt động TT-TV của Đại học Đà Nẵng, cần ưu tiên xem xét triển khai các hoạt động sau:

- Xây dựng một mô hình quản lý hệ thống thư viện tập trung của Đại học Đà Nẵng, trong đó xác định rõ vị trí, vai trò của thư viện trung tâm và sự tham gia của các thư viện thành viên trong hệ thống.

- Đầu tư một phần mềm quản trị hệ thống tích hợp được triển khai đồng bộ tại thư viện trung tâm và các thư viện thành viên sao cho vừa đảm bảo sự điều hành thống nhất của thư viện trung tâm, vừa đáp ứng yêu cầu thiết lập các chính sách phục vụ phù hợp với điều kiện, môi trường, đối tượng phục vụ của mỗi thành viên trong hệ thống.

- Xây dựng đề án và tìm nguồn tài trợ cung cấp thiết bị hỗ trợ, phần mềm xử lý,

các chuẩn công nghệ ứng dụng thống nhất để phối hợp phát triển nguồn tài liệu số hóa, giáo trình, bài giảng điện tử, v.v. ;

- Xây dựng CSDL và công cụ tìm kiếm tập trung trong toàn hệ thống giúp bạn đọc dễ dàng tìm liên thông các loại hình tài liệu, nguồn học liệu khác nhau và sử dụng dịch vụ của các thư viện khác nhau trong hệ thống.

2.2. Về việc ứng dụng các chuẩn nghiệp vụ thông tin-thư viện

Bên cạnh việc phát triển và chuẩn hóa hạ tầng CNTT, việc chuẩn hóa nghiệp vụ TT-TV cũng cần được đảm bảo trong hoạt động TT-TV của hệ thống. Tình hình áp dụng các chuẩn nghiệp vụ vào quá trình xử lý tài liệu tại các thư viện thành viên của Đại học Đà Nẵng được trình bày trong Bảng 2:

Bảng 2. Tình hình áp dụng các chuẩn nghiệp vụ tại các thư viện thành viên

Ứng dụng/Công cụ hướng dẫn	TTTTHL/ ĐHBK	ĐHKT	ĐHSP	ĐHNN	CĐCN	CĐCNTT	PHKT	K.YD	K.GDTC	K.ĐTQT
Quy tắc biên mục ISBD				x	x		x			
Quy tắc biên mục Anh Mỹ - AACR2	x	x	x		x					
Khổ mẫu biên mục đọc máy MARC21	x	x	x							
Khung phân loại DDC	x	x	x		x					
Bộ tiêu đề chủ đề của TVQH Mỹ	x		x							
Bộ Tiêu đề chủ đề Thư viện Tp.HCM	x									
Bộ từ khóa KH&CN	x	x	x							

Kết quả khảo sát sơ bộ ở trên cho thấy việc ứng dụng các chuẩn nghiệp vụ vào trong công tác xử lý, tổ chức thông tin tại các thư viện chưa được triển khai đồng đều. Ngày 07/5/2007, Công văn số 1598/BVHTT-TV của Bộ Văn hóa - Thông tin

(nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) đã ban hành về việc áp dụng chuẩn nghiệp vụ trong các thư viện Việt Nam trong đó có quy định: “các thư viện đã có đủ kinh phí, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ sẽ chuyển sang áp dụng DDC, MARC21, AACR2”,

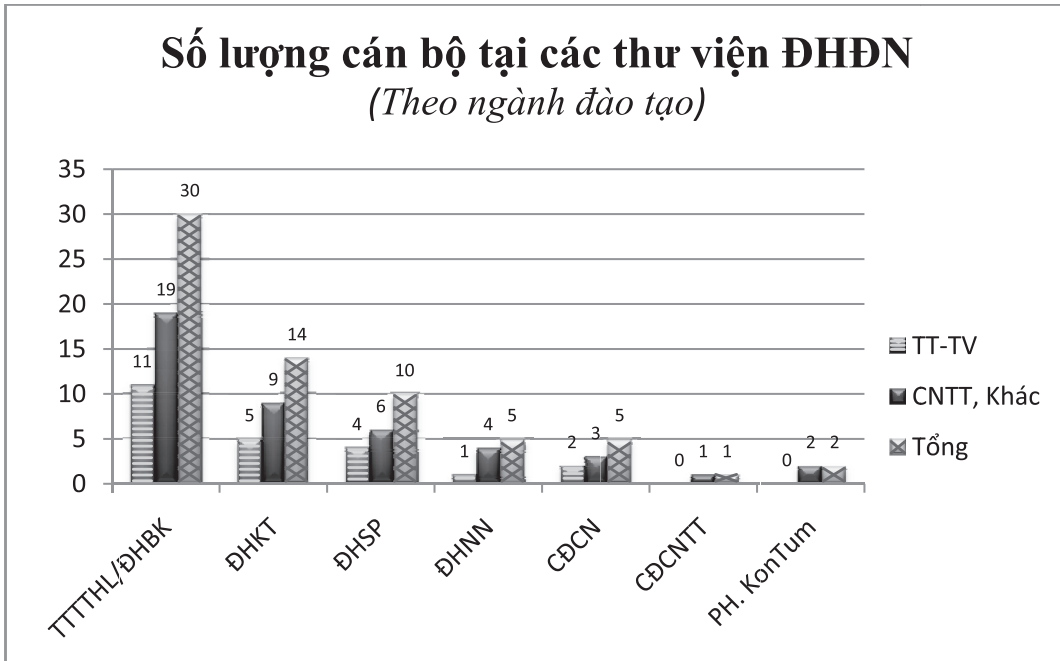
nhưng ngoài 03 Khoa trực thuộc chưa có tổ chức thư viện, một số thư viện trong mạng lưới Đại học Đà Nẵng vẫn còn áp dụng các quy định biên mục riêng hoặc phân loại cũ. Nguyên nhân của tình trạng này có thể là do sự ngại thay đổi, khó khăn khi hồi cố các kho tài liệu đã xử lý trước đây, năng lực hạn chế của cán bộ chuyên môn. Tình trạng này, cộng với sự hạn chế đầu tư về CNTT đã ảnh hưởng rất nhiều đến tính thống nhất về quản lý tài liệu trong toàn hệ thống và sự chia sẻ, trao đổi tài nguyên giữa các thư viện thành viên trong hệ thống.

Để khắc phục tình trạng này, bên cạnh việc tích cực tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo và cập nhật kiến thức, kỹ năng áp dụng các chuẩn cho đội ngũ cán bộ thư viện, Trung tâm Thông tin Học liệu cần chủ động hơn trong việc tham mưu cho lãnh đạo Đại học Đà Nẵng ban hành các văn bản quy định, yêu cầu các thư viện thành viên thực hiện nghiêm túc việc ứng dụng các chuẩn nghiệp vụ TT-TV vào công tác quản lý tài liệu, làm cơ sở cho quá trình xây dựng và phát triển mạng lưới thư viện thống nhất trong toàn Đại học. Bên cạnh đó, việc lựa chọn và sử dụng các công cụ hỗ trợ trong quá trình xử lý nghiệp vụ tại thư viện cũng cần được thống nhất để vừa đảm bảo đúng nguyên tắc yêu cầu của chuẩn, vừa phù hợp với đặc điểm, quy mô, chính sách phục vụ riêng của các thư viện thành viên. Đây là điều kiện quan trọng để đảm bảo nguyên tắc điều hành tập trung, chuẩn hóa nghiệp vụ TT-TV trong tổ chức thông tin, làm nền tảng cho tính thống nhất, khả năng chia sẻ tài nguyên thông tin trong toàn hệ thống.

2.3. Bồi dưỡng kiến thức và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ

Đối với hoạt động TT-TV, những đổi mới trong giáo dục và đào tạo, cách thức tổ chức, quản lý và cung cấp thông tin cho cộng đồng người sử dụng đã tác động mạnh mẽ đến yêu cầu về chuẩn năng lực và kiến thức chuyên môn của đội ngũ làm công tác thư viện. Yêu cầu về học tập bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn, phát triển các kỹ năng thông tin là thường xuyên, liên tục. Mặc dù đã nhận thức được tầm quan trọng và thấy rõ nhu cầu của việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TT-TV nhưng trong chừng mực nào đó, các hoạt động đào tạo này còn mang tính đơn lẻ, thiếu tính định hướng và hệ thống. Việc tổ chức các hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chủ yếu dựa vào nguồn tài trợ, dự án ngắn hạn nên ít duy trì ổn định [3].

Hình 1 cho thấy, ngoài ba đơn vị trực thuộc (Khoa Y Dược, Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Đào tạo quốc tế) chưa có tổ chức thư viện, số cán bộ được đào tạo ngành thư viện trong tổng số nhân lực tham gia trực tiếp hiện vẫn còn rất ít (23/67 người, chiếm tỷ lệ dưới 50% trên tổng số cán bộ thư viện), thậm chí có thư viện không có cán bộ chuyên ngành thư viện. Đây thực sự là hạn chế đáng kể, ảnh hưởng nhiều hoạt động tác nghiệp tại các thư viện. Nhận thức được vấn đề này, Trung tâm Thông tin Học liệu đã tích cực tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, phối hợp với các trường thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn. Tuy nhiên, với nhiều lý do khách quan và chủ quan, hoạt động tác nghiệp còn



Hình 1. Hiện trạng nhân lực trong các thư viện thành viên

thụ động, ít sáng tạo. Công tác xử lý tài liệu còn chưa được chú trọng; sản phẩm và dịch vụ thông tin còn nghèo nàn, đơn điệu; thời gian đầu tư cho học tập, nâng cao năng lực, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thư viện còn hạn chế. Do không có quy định bắt buộc về yêu cầu nghề từ phía đơn vị sử dụng lao động, nên phần lớn cán bộ đều bằng lòng với vị trí công việc hiện tại, không có nhu cầu học tập thêm về nghiệp vụ thư viện. Kết quả kiểm định đánh giá ngoài của các cơ sở giáo dục thành viên cho thấy năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ còn hạn chế, thụ động, đồng thời cũng cho thấy cần có sự đánh giá nghiêm túc về chuẩn năng lực chuyên môn của cán bộ thư viện làm cơ sở đưa ra các kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phục vụ của nhà trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bồi dưỡng cán bộ đối với chất

lượng, hiệu quả của hoạt động TT-TV, trong Dự thảo mô hình chuyển đổi của hệ thống thư viện Đại học Đà Nẵng, Trung tâm Thông tin Học liệu đã xác định các chuẩn mực về năng lực gồm: kiến thức nghiệp vụ TT-TV, sử dụng thành thạo máy tính, kỹ năng ngoại ngữ, giao tiếp,... để có thể đáp ứng được yêu cầu về năng lực chuyên môn TT-TV trong môi trường đại học ngày nay một cách hiệu quả. Tuy nhiên, để thực hiện được yêu cầu này, đội ngũ quản lý thư viện của Đại học Đà Nẵng cần có cái nhìn cụ thể hơn về chuẩn năng lực đối với cán bộ thư viện. Cán bộ quản lý thư viện của Trường cần nghiên cứu, phân tích những yếu tố chính tác động đến vấn đề học tập tiếp tục của người làm thư viện bao gồm: xã hội, nghề nghiệp, cá nhân, cơ quan, tính tương tác giữa cơ quan và cá nhân [5], làm cơ sở để xây dựng chuẩn vị trí việc làm của công tác TT-TV với các yêu cầu cụ thể về năng

lực, kiến thức, kỹ năng yêu cầu được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống thư viện đại học. Ngoài ra, Trường cũng cần tổ chức sát hạch, rà soát lại khả năng đáp ứng công việc hiện nay; làm cơ sở để xây dựng quy trình đánh giá thường xuyên năng lực làm việc, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thư viện phù hợp với tình hình thực tiễn, cũng như đáp ứng các yêu cầu về đổi mới, phát triển. Đồng thời chúng ta cần phát huy vai trò của cán bộ liên lạc viên nhằm duy trì sự kết nối thường xuyên giữa các thư viện thành viên trong hệ thống.

Kết luận

Tóm lại, để nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ của công tác TT-TV; bên cạnh những giải pháp cụ thể nêu trên, Đại học Đà Nẵng cần có sự nhìn nhận, đánh giá toàn diện, sâu sát hơn về vai trò quan trọng của công tác TT-TV đối với hoạt động đào tạo của nhà trường. Từ đó, có sự đầu tư thỏa đáng, kịp thời hơn nữa đến điều kiện hoạt động của các thư viện thành viên; đồng thời cần thúc đẩy nhanh dự án xây dựng và phát triển mạng lưới thư viện đại học theo hệ thống thư viện trung tâm và các thành viên; đảm bảo nguyên tắc quản lý tập trung, hạ tầng CNTT đồng bộ, chuẩn nghiệp vụ thống nhất với đội ngũ cán bộ thư viện có đầy đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển, phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo của nhà trường. Hoạt động hiệu quả của hệ thống thư viện sẽ góp phần tích cực vào quá trình thực hiện Nghị quyết đổi mới giáo dục và đào tạo; đạt được mục tiêu chiến lược phát triển

của Đại học Đà Nẵng; xứng tầm là một trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ của khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Đà Nẵng (2014). *Công văn số 2850/ĐHĐN-TCCB về việc triển khai qui chế đại học vùng*.
 2. Đại học Đà Nẵng (2014). *Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2020*.
 3. Ngô Thanh Thảo (2004). *Hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ TT – TV ở Việt Nam: Hiện trạng và khả năng phát triển*. Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn. – Tháng 10. – Tr. 32-41.
 4. Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương (2016). *Liên hiệp thư viện – mô hình phát triển bền vững cho thư viện Việt Nam*. Tạp chí Thư viện Việt Nam. Số 3(59), Tr. 3-7.
 5. Nguyễn Hồng Sinh (2016). *Nghiên cứu các yếu tố tác động đến việc học tập tiếp tục của người làm thư viện đại học*. Tạp chí Thư viện Việt Nam. Số 3(59). – Tr. 24-28,36.
 6. Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng (2014). *Đề án xây dựng mô hình chuyển đổi hoạt động của hệ thống thư viện ĐHĐN và Trung tâm Thông tin Học liệu*.
 7. Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng (2013). *Tài liệu hội thảo “Ứng dụng CNTT trong việc quản lý hệ thống thư viện tập trung”*.
- (Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-8-2016; Ngày phản biện đánh giá: 15-8-2016; Ngày chấp nhận đăng: 04-9-2016).